



Conditionals

Câu điều kiện IF

Cô Chung Anh Văn

859 Phan Đình Phùng - TP Kon Tum

Có mấy loại câu điều kiện?

Theo các em, có mấy loại câu điều kiện trong tiếng Anh?

3 hay 4?

Câu trả lời không phải là 3, hay 4. Bất kỳ sự kết hợp về thì nào cũng có thể dùng câu điều kiện với IF

Ví Dụ

1. If Susan won't be at the party tonight, I'm not going.
2. If Andy only started the job yesterday, he won't finish it this week.
3. If you would take the trouble to listen, you would understand what she mean.
4. If I had known what was going to happen I wouldn't be here now.
5. If I knew the answer, I would tell you
6. If your mother phone, I'll take a message
7. If you are not over 15, you can't see this film.
8. If I am not going fishing, I get up late on Sundays.
9. I see my mother at weekends if I'm not travelling
10. We usually go for a walk after supper if there isn't a good film on TV.
11. If she hadn't gone skiing, she wouldn't have broken her leg.
12. If a baby is hungry, she cries. Chúng ta sẽ học 4 loại câu điều kiện trong bài này

The Zero Conditional (Câu điều kiện loại 0)

Loại 0

Là loại câu điều kiện nói về những điều luôn luôn đúng.

Ví dụ: If you **heat** water to 100 degrees, it **boils**

Cả hai vế đều dùng thì hiện tại đơn

The background features a central illustration of a pink butterfly with black markings on its wings, surrounded by several pink flowers with green centers and green leaves. Some petals are scattered around the butterfly. The overall aesthetic is soft and floral.

The First Conditional

Câu Điều Kiện Loại 1

The First Conditional (Câu điều kiện loại 1)

Loại 1 là loại câu điều kiện có thể xảy ra ở tương lai.

Ví dụ:

1/ If I **hear** from Alice, I'**ll phone** you (or I'll phone you if I hear from Alice)

Về điều kiện IF: Thì hiện tại đơn
Về kết quả: Thì tương lai đơn

2/ If it **is** sunny tomorrow, we'**ll eat** in the garden.

The Second Conditional

Câu Điều Kiện Loại 2

The Second Conditional (Câu điều kiện loại 2)

Loại 2 là loại câu điều kiện nói về những điều không có thực hoặc không có khả năng xảy ra ở hiện tại.

IF + PAST TENSE

If I **had** a million dollars,
If you **were** the President,
If dogs **could** talk,
If he **didn't travel** so much,

WOULD + INFINITIVE (WITHOUT TO)

I **would buy** a big swimming pool.
what **would** you **do**?
they **would tell** some interesting stories
he **would save** more money.

The Second Conditional (Câu điều kiện loại 2)

Dùng **If I were you...** để cho lời khuyên.

If I were you,.....

If I were you, I would/ I'd..... khi chúng ta muốn cho lời khuyên.

If I were you, I'd get a new car.
I wouldn't take the job if I were you.

Lưu ý: Sau **I** và **We**, chúng ta có thể sử dụng **'should'** thay cho **would** để cho lời khuyên.

Ví dụ: If I were you, I **would** get a new car.

- If I were you, I **should** get a new car.
- I **wouldn't** take the job if I were you.
- I **shouldn't** take the job if I were you.

COULD VÀ MIGHT TRONG CÂU VỚI IF.

Cũng như 'would', chúng ta có thể sử dụng could và might.

could = would be able to = sẽ có thể

might = would perhaps = có lẽ sẽ.....

Ví dụ:

I **could** lend you my car if you wanted.

He **might** agree if we talked to him.

Bài tập: Hoàn thành câu với could và might:

1. If it wasn't raining, we..... tennis. (play)
2. If she asked me politely, Ilike helping her. (feel)
3. If he wasn't so bad tempered. I..... out with him. (go)
4. If I had more money, I..... a small flat. (get)
5. If you spoke more slowly, I..... you better. (understand)
6. If you cooked it in butter, it..... better. (taste)

ĐÁP ÁN: COULD VÀ MIGHT TRONG CÂU VỚI IF.

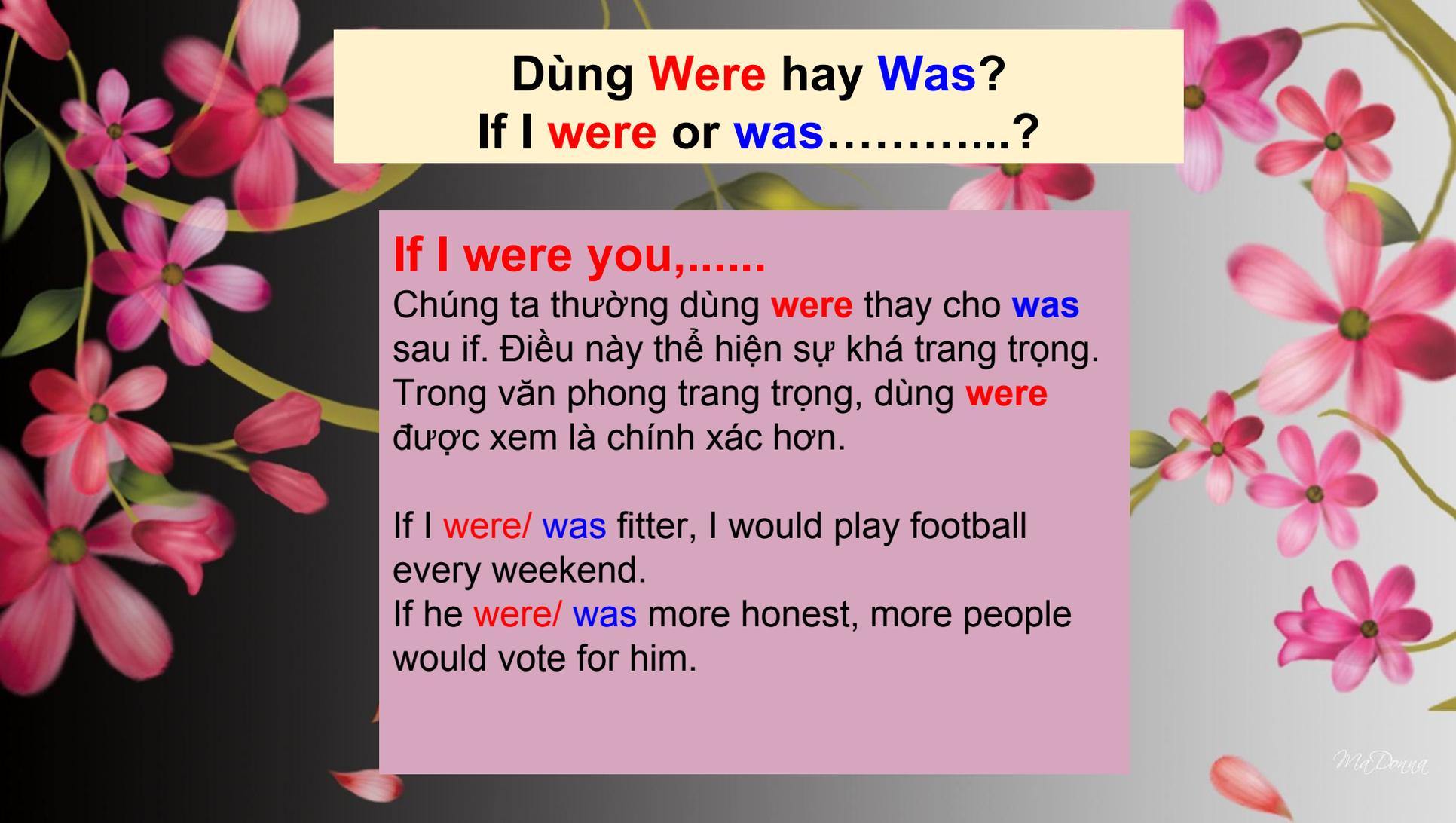
Cũng như 'would', chúng ta có thể sử dụng could và might.

could = would be able to = sẽ có thể

might = would perhaps = có lẽ sẽ.....

Bài tập: Hoàn thành câu với could và might:

- If it wasn't raining, we..... tennis. (play)
 - If it wasn't raining, we **might/ could play** tennis.
- If she asked me politely, Ilike helping her. (feel)
 - If she asked me politely, I **might feel** like helping her.
- If he wasn't so bad tempered. I..... out with him. (go)
 - If he wasn't so bad tempered. I **might go** out with him.
- If I had more money, I..... a small flat. (get)
 - If I had more money, I **might/ could** get a small flat.
- If you spoke more slowly, I..... you better. (understand)
 - If you spoke more slowly, I **could understand** you better.
- If you cooked it in butter, it..... better. (taste)
 - If you cooked it in butter, it **might taste** better.



Dùng **Were** hay **Was**?
If I **were** or **was**.....?

If I were you,.....

Chúng ta thường dùng **were** thay cho **was** sau if. Điều này thể hiện sự khá trang trọng. Trong văn phong trang trọng, dùng **were** được xem là chính xác hơn.

If I **were/ was** fitter, I would play football every weekend.

If he **were/ was** more honest, more people would vote for him.

So sánh loại 1 và loại 2

- ❖ Sự khác nhau giữa **if I go** và **if I went** (ví dụ) không phải là sự khác nhau về mặt thời gian (hiện tại hay quá khứ)
- ❖ Chúng ta dùng cả **if I go/ see...** và **if I went/ saw....** để nói về **hiện tại** hoặc **tương lai**.
- ❖ Với **If**, khi dùng thì **quá khứ đơn**, không có nghĩa là muốn nói về quá khứ, nó có nghĩa là nói về điều **không có thực (not real)** hoặc **không có khả năng xảy ra (not probable)**

PROBABLE/ POSSIBLE

If I **go** to London, I'll **visit** Tony.

If I **see** Ann, I'll **give** her your address.

NOT REAL/ NOT PROBABLE

If I **went** to the moon, I **would take** a lot of photos.

If I **saw** the Prime Minister, I **would say** 'hello'.

So sánh loại 1 và loại 2

Loại 1

PROBABLE/ POSSIBLE
(Có thể xảy ra)

If she **studies** harder, she'll **pass** the exams.

(tôi nghĩ rằng rất có thể cô ấy sẽ học chăm và sẽ đậu kỳ thi)

Loại 2

NOT REAL/ NOT PROBABLE
(không thực/ ít có thể xảy ra)

If she **studied** harder, she **would pass** the exam

(tôi nghĩ cô ấy rất ít khả năng là sẽ học chăm chỉ, hoặc điều này thì không có khả năng xảy ra, và cô ấy sẽ không đậu kỳ thi)

So sánh loại 1 và loại 2

Loại 1

PROBABLE/ POSSIBLE
(Có thể xảy ra)

If I **have** enough money, I'll **buy** new shoes

(rất có khả năng rằng tôi sẽ có đủ tiền để mua đôi giày mới)

Loại 2

NOT REAL/ NOT PROBABLE
(không thực/ ít có thể xảy ra)

If I **had** enough money, I **would buy** a house with twenty bedrooms and a swimming pool.

(Tôi sẽ khó có thể có khoản tiền lớn đến như vậy để mua căn nhà như thế, đó chỉ là giấc mơ, không có thực, hoặc rất khó trở thành hiện thực)

The background features a central illustration of a pink butterfly with black markings on its wings, surrounded by several pink flowers with green centers and scattered pink petals. The entire scene is set against a light gray background.

The Third Conditional

Câu Điều Kiện Loại 3

The Third Conditional (Câu điều kiện loại 3)

Loại 3 là loại câu điều kiện nói về điều không có thực trong quá khứ.

Chúng ta sử dụng thì quá khứ hoàn thành trong mệnh đề IF
Sử dụng **would have + Past participle** trong mệnh đề kết quả.

IF + PAST PERFECT

WOULD HAVE + PAST PARTICIPLE

If the weather **had been** better,

we **would have gone** to the see (but it wasn't, so we didn't)

If you **had asked** me,

I **would have helped** you (but you didn't, so I didn't)

If Marry **had seen** you,

what **would** you **have said**? (but she didn't)
she **wouldn't have fallen and broken** her

If she **hadn't gone** skiing,

leg. (but she did)

Chúng ta có thể sử dụng 'unless' thay cho 'if....not'

Unless có nghĩa là **'if not'**

Ví dụ 1:

- ❖ You can't come in **if** you **don't** have a ticket.
- ❖ You can't come in **unless** you have a ticket

Ví dụ 2:

- ❖ If I'm not tired, I go to bed about midnight.
- ❖ **Unless** I'm very tired, I go to bed about midnight.

Chú ý: Sau unless, ta dùng hiện tại đơn để nói về tương lai.

Bài tập: Đổi If not sang unless hoặc ngược lại:

1. You can have the car tonight if Harry doesn't need it.
2. I'll do some gardening if it doesn't rain
3. He'll pass the exam unless they ask him about Shakespeare.
4. He's usually pretty good-tempered, unless people ask him for money.
5. I can't understand Spanish if you don't speak very slowly.
6. If they don't mend the road soon, there's going to be an accident.

ĐÁP ÁN - Bài tập: Đổi If not sang unless hoặc ngược lại:

1. You can have the car tonight if Harry doesn't need it.
 - You can have the car tonight unless Harry needs it.
2. I'll do some gardening if it doesn't rain
 - I'll do some gardening unless it rains.
3. He'll pass the exam unless they ask him about Shakespeare.
 - He'll pass the exam if they don't ask him about Shakespeare.
4. He's usually pretty good-tempered, unless people ask him for money.
 - He's usually pretty good-tempered if people don't ask him for money.
5. I can't understand Spanish if you don't speak very slowly.
 - I can't understand Spanish unless you speak very slowly.
6. If they don't mend the road soon, there's going to be an accident.
 - Unless they mend the road soon, there's going to be an accident.

Bài tập 1: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

1. If it (rain), we (have) the party inside.
➤ If it rains, we will have the party inside.
2. I (be) happy if I (pass) my exam.
3. John says he (work) as a taxi-driver if he (need) money.
4. If I (not be) free tomorrow evening, I (see) you on Friday
5. Mary (study) Chinese next year if she (have) time
6. I (drive) you to the station if I (can) find my car keys
7. If he (marry) her, he (not have) a happy life
8. you (stop) work if the doctor (tell) you that you must?
9. If you (talk) to your father very politely, he (lend) us his car?

Đáp án - Bài tập 1: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

1. If it (rain), we (have) the party inside.
 - If it rains, we will have the party inside.
2. I (be) happy if I (pass) my exam.
 - I **will be** happy if I **pass** my exam.
3. John says he (work) as a taxi-driver if he (need) money.
 - John says he **will work** as a taxi-driver if he **needs** money.
4. If I (not be) free tomorrow evening, I (see) you on Friday.
 - If I **am not** free tomorrow evening, I **will see** you on Friday.
5. Mary (study) Chinese next year if she (have) time.
 - Mary **will study** Chinese next year if she **has** time.

Đáp án - Bài tập 1: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

6. I (drive) you to the station if I (can) find my car keys
 - I **will drive** you to the station if I **can find** my car keys.
7. If he (marry) her, he (not have) a happy life.
 - If he **marries** her, he **will not** have a happy life.
8. you (stop) work if the doctor (tell) you that you must?
 - **Will** you **stop** work if the doctor **tells** you that you must?
9. If you (talk) to your father very politely, he (lend) us his car?
 - If you **talk** to your father very politely, **will** he **lend** us his car?

Bài 2: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

1. If people (have) four arms, life (be) easier.
- If people had four arms, life would be easier
2. This (be) a nice country if it (not rain) so much
3. If my cat (can) open the fridge, it (eat) all my food.
4. If Lily and Jack (be) here, they (know) what to do.
5. If I (know) the answer, I (tell) you
6. If your boss (ask) you to work on Sunday, you (do) it?
7. I (buy) a car if I (have) enough money.
8. If I (ask) you to marry me, what you (say)?
9. Alex (finish) his work on time if he (not talk) so much
10. I (study) Chinese if I (have) more time
11. If the programmes (be) better, I (watch) more TV.

Đáp án - Bài 2: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

1. If people (have) four arms, life (be) easier.
➤ If people **had** four arms, life **would be** easier
2. This (be) a nice country if it (not rain) so much.
➤ This **would be** a nice country if it **didn't rain** so much.
3. If my cat (can) open the fridge, it (eat) all my food.
➤ If my cat **could open** the fridge, it **would eat** all my food.
4. If Lily and Jack (be) here, they (know) what to do.
➤ If Lily and Jack **were** here, they **would know** what to do.
5. If I (know) the answer, I (tell) you.
➤ If I **knew** the answer, I **would tell** you.
6. If your boss (ask) you to work on Sunday, you (do) it?
➤ If your boss **asked** you to work on Sunday, **would** you **do** it?

Đáp án - Bài 2: Viết hình thức đúng của động từ trong ngoặc

7. I (buy) a car if I (have) enough money.
 - I **would buy** a car if I **had enough** money.
8. If I (ask) you to marry me, what you (say)?
 - If I **asked** you to marry me, what **would** you **say**?
9. Alex (finish) his work on time if he (not talk) so much.
 - Alex **would finish** his work on time if he **didn't talk** so much.
10. I (study) Chinese if I (have) more time.
 - I **would study** Chinese if I **had** more time.
11. If the programmes (be) better, I (watch) more TV.
 - If the programmes **were** better, I **would watch** more TV

Bài 3: Viết lại câu bắt đầu bằng IF

1. My parents don't live near here, so I don't see them at weekends
➤ **If my parents lived near here, I would see them at weekends.**
2. We don't play cards because Jane and Peter aren't here.
➤ If Jane.....
3. We haven't got enough money, so we won't buy a new car.
➤ If.....
4. Fred doesn't answer letters, so I don't write to him.
➤
5. I won't take your photo because I can't find my camera.
➤
6. I don't enjoy opera because I can't understand the words.
➤
7. I don't like Carola because she talk about herself all the time.
➤
8. I haven't got a dog, so I don't go for a walk.
➤

Đáp án - Bài 3: Viết lại câu bắt đầu bằng IF

1. My parents don't live near here, so I don't see them at weekends.
➤ **If my parents lived near here, I would see them at weekends.**
2. We don't play cards because Jane and Peter aren't here.
➤ If Jane and Peter **were** here, we **would play** cards.
3. We haven't got enough money, so we won't buy a new car.
➤ If we **had** enough money, we **would buy** a new car.
4. Fred doesn't answer letters, so I don't write to him.
➤ If Fred **answered** letter, I **would** write to him.
5. I won't take your photo because I can't find my camera.
➤ If I **could find** my camera, I **would take** your photo.
6. I don't enjoy opera because I can't understand the words.
➤ If I **understood** the word, I **would enjoy** opera.
7. I don't like Carola because she talk about herself all the time.
➤ If Carola **didn't talk** about herself all the time, I **would like** her
8. I haven't got a dog, so I don't go for a walk.
➤ If I **had** a dog, I **would go** for a walk.

Bài 4: Đặt động từ trong ngoặc ở dạng đúng

1. If I (be) here yesterday, I would have come to see you.
2. If Joe (work) harder, he would have passed his exams.
3. If you (take) a map with you, you wouldn't have got lost.
4. We would have won the game if we (not play) so badly.
5. If I had gone to university, I (study) medicine and become a doctor.
6. you (crash) if you have driven more slowly?
7. You (not sleep) badly if you hadn't drunk all the coffee.
8. If you (come) on holiday with us, you (have) a wonderful time.
9. If my car (not break down) I (be) here at 8 o'clock.
10. You (study) harder at school last year if you (like) the teachers?
11. She (not get) married if she (not want) to leave home.
you (help) me if I (ask) you?

Đáp án - Bài 4: Đặt động từ trong ngoặc ở dạng đúng

1. If I **had been** here yesterday, I would have come to see you.
2. If Joe **had worked** harder, he would have passed his exams.
3. If you **had taken** a map with you, you wouldn't have got lost.
4. We would have won the game if we **hadn't played** so badly.
5. If I had gone to university, I **would have studied** medicine and become a doctor.
6. **Would** you **have crashed** if you have driven more slowly?
7. You **would not have slept** badly if you hadn't drunk all the coffee.
8. If you **had come** on holiday with us, you **would have had** a wonderful time.
9. If my car **had not broken** down, I **would have been** here at 8 o'clock.
10. **Would** you **have studied** harder at school last year if you **had liked** the teachers?
11. She **would not have got** married if she **had not wanted** to leave home.
12. **Would** you **have helped** me if I **had asked** you?

Bài 5: Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. I'm sure John you if you ask him. (help)
2. I would be very happy if I more friends. (have)
3. If you.....your glasses, you would see much better. (clean)
4. I and see you tomorrow if I have time. (come)
5. If she spoke more slowly, perhaps I her. (understand)
6. If you..... at 12.00, you will arrive at 3.20. (leave)
7. I..... my car unless I needed money. (not sell)
8. If you so far away, it would be easier for us to see each other.
(not live)
9. I this letter for you if I can find my dictionary. (translate)
10. If I..... you very nicely, will you make me some coffee? (ask)
11. If water..... very cold, it becomes ice. (get)

Đáp án - Bài 5: Viết dạng đúng của động từ trong

1. I'm sure John **will help** you if you ask him. (help)
2. I would be very happy if I **had** more friends. (have)
3. If you **cleaned** your glasses, you would see much better. (clean)
4. I **will come** and see you tomorrow if I have time. (come)
5. If she spoke more slowly, perhaps I **would understand** her. (understand)
6. If you **leave** at 12.00, you will arrive at 3.20. (leave)
7. I **wouldn't sell** my car unless I needed money. (not sell)
8. If you **didn't live** so far away, it would be easier for us to see each other. (not live)
9. I **will translate** this letter for you if I can find my dictionary. (translate)
10. If I **ask** you very nicely, will you make me some coffee? (ask)
11. If water **gets** very cold, it becomes ice. (get)

Bài 6: Probable/ possible (Có thể xảy ra) or not real/ not possible (không có thể xảy ra); Em xem nếu điều đó có thể xảy ra, làm gạch chân điều kiện loại 1, nếu không có thể xảy ra, em gạch chân điều kiện loại

2 nhé

I think I'll study medicine. But I know if I **do/ did** that, I'll/ I'd have to work very hard.

She's a very generous person. If she **wins/ won** the lottery, she **will/ would** give it all away.

1. I'm not going to buy a car. If I **buy/ bought** a car I **will/ would** spend all money on it.
2. I really must go and see Sandra. But if I **go/ went** and **see/ saw** her, I'll/ 'd have to talk to her stupid brother.
3. My parents live a long way away. If they **live/ lived** nearer, I **will/ would** see them more often.
4. We're going to stay home this evening. If we **go/ went** out, we **won't/ wouldn't** do anything interesting
5. Those exams are difficult. Unless you **start/ started** working harder, you **won't/ wouldn't** pass.
6. I'm glad Marion isn't going to marry Jack. Because if she **marries/ married** him she **will/would** be very unhappy
7. Maybe I'll take you to London with me. But if I **take/ took** you, you'll/ 'd have to pay for your ticket.
8. If it **rains/ rained** again tomorrow, I **won't/ wouldn't** go cycling.
9. Dylan never tells the truth. And if he **does/ did**, I **won't/ wouldn't** believe him.

Đáp Án - Bài 6: Probable/ possible (Có thể xảy ra) or not real/ not possible (không có thể xảy ra); Em xem nếu điều đó có thể xảy ra, làm gạch chân điều kiện loại 1, nếu không có thể xảy ra, em gạch chân điều kiện loại 2 nhé.

I think I'll study medicine. But I know if I **do/ did** that, I'll/ I'd have to work very hard.

She's a very generous person. If she **wins/ won** the lottery, she **will/ would** give it all away.

1. I'm not going to buy a car. If I **buy/ bought** a car I **will/ would** spend all money on it.
2. I really must go and see Sandra. But if I **go/ went** and **see/ saw** her, I'll/ I'd have to talk to her stupid brother.
3. My parents live a long way away. If they **live/ lived** nearer, I **will/ would** see them more often.
4. We're going to stay home this evening. If we **go/ went** out, we **won't/ wouldn't** do anything interesting
5. Those exams are difficult. Unless you **start/ started** working harder, you **won't/ wouldn't** pass.
6. I'm glad Marion isn't going to marry Jack. Because if she **marries/ married** him she **will/would** be very unhappy
7. Maybe I'll take you to London with me. But if I **take/ took** you, you'll/ I'd have to pay for your ticket.
8. If it **rains/ rained** again tomorrow, I **won't/ wouldn't** go cycling.
9. Dylan never tells the truth. And if he **does/ did**, I **won't/ wouldn't** believe him.